| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN AN BIÊN**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 12/5/2020
*"V/v ly hôn và nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Thanh Tâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Ông Bùi Minh Cảnh.

2- Bà Trần Thu Trang.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Đen, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang***: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 304/2019/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXX-ST, ngày 21 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 và Thông báo thay đổi thời gian mỡ phiên tòa số: 05/2020/TB-TĐTGMPT ngày 23 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh ngày 05/5/1992 (có mặt).

2- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ N, sinh ngày 09/02/1997 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 18/10/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày và yêu cầu như sau*:

Về hôn nhân: Anh L và chị Trương Thị Mỹ N kết hôn với nhau vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới theo phong tục ở địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 12/6/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh ra mâu thuẫn,

nguyên nhân là do vợ chồng bất động quan điểm sống, dẫn đến cự cải nhau thường xuyên, làm cho hạnh phúc không còn nữa, từ đó vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt nên anh yêu cầu xin được ly hôn với chị Trương Thị Mỹ N.

Về con chung: Có 01 đứa con tên Nguyễn Gia T, sinh ngày 24/6/2015, từ khi ly thân cho đến nay chị N chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, cuộc sống của cháu T vẫn ổn định và bản thân chị cũng có đủ điều kiện nuôi con. Nay anh đồng ý giao con cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh thừa nhận không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn chị Trương Thị Mỹ N Tòa án đã tống đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị N vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.

Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 29/4/2020 chị Trương Thị Mỹ N trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Chị đồng ý nuôi cháu Nguyễn Gia T và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị thừa nhận không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyễn Văn L vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu nêu trên.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Trương Thị Mỹ N vắng mặt.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung:

Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Văn L và chị Trương Thị Mỹ N.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Văn L và chị Trương Thị Mỹ N là giao cháu Nguyễn Gia T, sinh ngày 24/6/2015 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và phần nợ chung: Anh Nguyễn Văn L và chị Trương Thị Mỹ N thừa nhận không có nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con và bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với chị Trương Thị Mỹ N được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, chị N đã có lời trình bày thể hiện trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt đối với N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L và chị Trương Thị Mỹ N kết hôn với nhau vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn ngày 12/6/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang nên hôn nhân của anh L và chị N là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, vợ chồng chung sống được thời gian thì phát sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất động quan điểm sống, dẫn đến cự cải nhau thường xuyên, làm cho hạnh phúc không còn nữa, từ đó vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Hơn nữa từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay bản thân anh chị và gia đình cha mẹ hai bên cũng không tự hòa giải được.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì anh Nguyễn Văn L và chị Trương Thị Mỹ N đã tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau. Xét thấy, sự tự nguyện của anh chị không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Văn L và chị Trương Thị Mỹ N là giao cháu Nguyễn Gia T, sinh ngày 24/6/2015 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh Nguyễn Văn L và chị Trương Thị Mỹ N thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000đ. Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ. Vậy anh L đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nêu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên*,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn L và chị Trương Thị Mỹ N.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Văn L và chị Trương Thị Mỹ N là giao cháu Nguyễn Gia T, sinh ngày 24/6/2015 cho chị Nhân chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Lượm không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh L và chị N có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Anh Nguyễn Văn L và chị Trương Thị Mỹ N thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0008318, ngày 20/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy anh L đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho anh L có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/5/2020). Đối với chị N vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã Đ;.
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký và đóng dấu*

**Phạm Thanh Tâm**